

THÔNG BÁO

Về việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản công Sản phẩm thu hồi trong quá trình nạo vét, khơi thông dòng chảy suối Ia Rô và đoạn suối Sông Bờ từ K2+750 đến K5+450 trên địa bàn xã Ia Sao, tỉnh Gia Lai

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Giá số 16/2023/QH15 ngày 19/6/2023, Luật số 37/2024/QH15 ngày 27/6/2024 và Luật Phục hồi, phá sản số 142/2025/QH15 ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 172/2024/NĐ-CP ngày 27/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Thông tư số 20/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định cơ chế, chính sách về giá dịch vụ đấu giá tài sản và các chi phí trên Công Đấu giá tài sản quốc gia; Quyết định số 1311/QĐ-BTP ngày 22/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành khung giá dịch vụ đấu giá tài sản mà pháp luật quy định phải bán thông qua đấu giá;

Căn cứ Công văn số 7404/UBND-NNMT ngày 02/12/2025 của UBND tỉnh Gia Lai về việc giao trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị, địa phương việc thực hiện nạo vét lòng hồ, đập thủy lợi, sông, suối bằng nguồn vốn xã hội hóa trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Thông báo số 439/TB-UBND ngày 11/12/2025 của UBND tỉnh Gia Lai Ý kiến kết luận của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Dương Mah Tiệp tại buổi làm việc nghe báo cáo các nội dung liên quan đến nạo vét, khơi thông dòng chảy suối Ia Rô, xã Ia Sao và suối Sông Bờ, phường Ayun Pa;

Căn cứ Báo cáo số 79/BC-SNNMT ngày 11/2/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Gia Lai báo cáo kết quả thẩm định Phương án nạo vét, khơi thông dòng chảy suối Ia Rô, xã Ia Sao và suối Sông Bờ, phường Ayun Pa;

Căn cứ Công văn số 2329/UBND-NNMT ngày 02/3/2026 của UBND tỉnh Gia Lai về việc thống nhất Phương án nạo vét, khơi thông dòng chảy suối Ia Rô và suối Sông Bờ;

Căn cứ Công văn số 2130/SNNMT-TL ngày 08/03/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Gia Lai về việc các nội dung liên quan phương án nạo vét, khơi thông dòng chảy suối Ia Rô, xã Ia Sao và suối Sông Bờ, phường Ayun Pa, xã Ia Sao, xã Ia Rbol, tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Công văn số 2675/UBND-NNMT ngày 10/03/2026 của UBND tỉnh Gia Lai về việc triển khai phương án nạo vét, khơi thông dòng chảy suối Ia Rô và suối Sông Bờ;

Căn cứ Công văn số 2319/SNNMT-TL ngày 12/03/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Gia Lai về việc triển khai thực hiện phương án nạo vét, khơi thông dòng chảy suối Ia Rô, xã Ia Sao và suối Sông Bờ, phường Ayun Pa, xã Ia Sao, xã Ia Rbol, tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 578/QĐ-UBND ngày 14/9/2026 của UBND xã Ia Sao về việc phê duyệt dự toán kinh phí lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản để tổ chức đấu giá sản phẩm thu hồi trong quá trình nạo vét thuộc Phương án: Nạo vét, khơi thông dòng chảy suối Ia Rô và suối Sông Bờ;

Căn cứ Quyết định số 166/QĐ-UBND ngày 25/9/2026 của UBND xã Ia Sao về việc phê duyệt giá khởi điểm đấu giá sản phẩm thu hồi trong quá trình nạo vét thuộc Phương án nạo vét, khơi thông dòng chảy suối Ia Rô và suối Sông Bờ;

Căn cứ Quyết định số 175/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Ia Sao về việc phê duyệt Phương án đấu giá sản phẩm thu hồi trong quá trình nạo vét, khơi thông dòng chảy suối Ia Rô và đoạn suối Sông Bờ từ K2+750 đến K5+450 do UBND xã Ia Sao làm chủ đầu tư;

Ủy ban nhân dân xã Ia Sao thông báo công khai việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản với các nội dung sau:

1. Người có tài sản đấu giá và đơn vị tiếp nhận hồ sơ

- Người có tài sản đấu giá: Ủy ban nhân dân xã Ia Sao.
- Đơn vị tham mưu, thực hiện việc lựa chọn: Phòng Kinh tế xã Ia Sao.
- Địa chỉ: Bôn Ama tí, xã Ia Sao, tỉnh Gia Lai;
- Điện thoại: 0964491122

2. Tên tài sản, số lượng, chất lượng và giá khởi điểm

a) Tên tài sản đấu giá: Sản phẩm dự kiến thu hồi trong quá trình thực hiện Phương án nạo vét, khơi thông dòng chảy suối Sông Bờ, đoạn thuộc xã Ia Sao; là vật liệu phát sinh từ hoạt động nạo vét theo hồ sơ Phương án và các tài liệu thẩm tra, không phải vật liệu đã được khai thác, tập kết sẵn và không phải quyền khai thác khoáng sản.

b) Vị trí, phạm vi:

- Đoạn suối Sông Bờ từ K2+750 đến K5+450, chiều dài khoảng 2,700 km, thuộc xã Ia Sao, tỉnh Gia Lai (*Tuyến Sông Bờ toàn tuyến dài khoảng 4,480 km, đáy nạo vét trung bình rộng 20–25 m, chiều sâu nạo vét trung bình so với đáy hiện trạng 1,0–1,5 m, hệ số mái $m = 2,0$*); Đối với đoạn tuyến trên do UBND xã Ia Sao là chủ đầu tư. Ranh giới, mốc lý trình, mặt cắt và phạm vi thực hiện cụ thể xác định theo hồ sơ thiết kế, khảo sát và Phương án được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

- Tuyến suối Ia Rtô: từ K0+45 đến K1+825, chiều dài khoảng L1=1,780 km, thuộc xã Ia Sao, tỉnh Gia Lai (*Đáy nạo vét trung bình rộng 15–20 m, chiều sâu nạo vét trung bình so với đáy hiện trạng 1,0–1,3 m, hệ số mái $m = 2,0$*); Ranh giới, mốc lý trình, mặt cắt và phạm vi thực hiện cụ thể xác định theo hồ sơ thiết kế, khảo sát và Phương án được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

c) Khối lượng dự kiến thu hồi: Tổng 190.362,17 m³, gồm suối Ia Rtô 48.390,00 m³, phần suối Sông Bờ tại xã Ia Sao 66.595,20 m³ và phần suối Sông Bờ tại phường Ayun Pa 75.376,97 m³. Trong đó:

+ Cát xây dựng: 147.236,30 m³.

+ Vật liệu san lấp (sạn sỏi, hạt bụi, hạt sét): 43.125,87 m³.

Để xác định giá khởi điểm, Quyết định số 166/QĐ-UBND ngày 25/9/2026 phân thành cát xây dựng 147.236,30 m³ và nhóm vật liệu san lấp 43.125,87 m³ (gồm sạn, sỏi, hạt bụi, hạt sét). Đây là số liệu theo hồ sơ Phương án và hồ sơ xác định giá; việc thu hồi thực tế phải được kiểm soát theo hồ sơ chuyên ngành.

d) Hiện trạng, chất lượng:

Vật liệu nằm trong phạm vi lòng suối cần nạo vét, có thành phần cát, sạn, sỏi, hạt bụi và hạt sét theo kết quả khảo sát, đánh giá trong hồ sơ Phương án. Chất lượng, tỷ lệ thành phần, điều kiện tiếp cận và khối lượng thực tế phụ thuộc hiện trạng lòng suối, điều kiện thi công và kết quả kiểm tra, đo đạc theo quy định. Tổ chức hành nghề đấu giá được lựa chọn phải phối hợp công khai đầy đủ tài liệu mô tả và điều kiện liên quan cho người tham gia đấu giá.

đ) Giá khởi điểm tài sản đấu giá:

- Giá khởi điểm tài sản đấu giá là 25.800.353.240 đồng (Bằng chữ: Hai mươi lăm tỷ tám trăm triệu ba trăm năm mươi ba nghìn hai trăm bốn mươi đồng), giá khởi điểm chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

3. Tiêu chí lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản

Việc đánh giá, chấm điểm thực hiện theo khoản 4 Điều 56 Luật Đấu giá tài sản, các Điều 32, 33, 34, 35 Thông tư số 19/2024/TT-BTP và Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này. *Bảng tiêu chí áp dụng cụ thể được ban hành kèm theo Thông báo.*

4. Hồ sơ tham gia lựa chọn

- Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản nộp 01 bộ hồ sơ tham gia lựa chọn bằng bản giấy hoặc bản sao điện tử theo Thông báo này.

- Hồ sơ do tổ chức hành nghề đấu giá tài sản xây dựng, có xác nhận của tổ chức và có đầy đủ thông tin, tài liệu chứng minh các nhóm tiêu chí, tiêu chí thành phần theo Phụ lục I Thông tư số 19/2024/TT-BTP. Tổ chức chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của thông tin trong hồ sơ.

- UBND xã Ia Sao không yêu cầu nộp bản chính, bản sao có chứng thực hoặc bản chụp hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản, hồ sơ cuộc đấu giá đối với các nội dung mà Thông tư số 19/2024/TT-BTP quy định không được yêu cầu.

5. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày đăng thông báo này trên Cổng thông tin đấu giá tài sản Quốc gia và Hệ thống đấu giá trực tuyến BCA (*trong giờ hành chính*).

- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Hồ sơ được nộp tại Phòng Kinh tế xã Ia Sao, địa chỉ thôn Ama Tí, xã Ia Sao, tỉnh Gia Lai.

- Điện thoại: 0964491122.

6. Đánh giá, lựa chọn và thông báo kết quả

Phòng Kinh tế tham mưu người có tài sản đấu giá đánh giá hồ sơ theo các tiêu chí, thang điểm đã công khai. Tổ chức được lựa chọn là tổ chức có tổng số điểm cao nhất. Trường hợp có từ hai tổ chức trở lên bằng điểm cao nhất thì người có tài sản đấu giá xem xét, quyết định lựa chọn một tổ chức trong số đó.

Trường hợp hết thời hạn tiếp nhận hồ sơ chỉ có một tổ chức đăng ký thì xem xét, lựa chọn nếu tổ chức đó đáp ứng đầy đủ các điều kiện, tiêu chí đã công khai và quy định của pháp luật.

Kết quả lựa chọn được thông báo, công khai theo quy định của pháp luật.

UBND xã Ia Sao thông báo để các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đủ điều kiện biết, tham gia lựa chọn./.

Nơi nhận:

- Cổng Đấu giá tài sản quốc gia;
- Hệ thống đấu giá trực tuyến BCA;
- Trang thông tin điện tử của UBND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Văn phòng HĐND và UBND xã;
- Phòng Kinh tế xã;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH



Ksor H' Khuyên

PHỤ LỤC
BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ ĐẤU
GIÁ TÀI SẢN

(Kèm theo Thông báo số 19/TB-UBND ngày 13/10/2026 của UBND xã Ia Sao; áp dụng
 Phụ lục I Thông tư số 19/2024/TT-BTP)



TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2.	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	19,0
1	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	10,0
1,1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc.	5,0
1,2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5,0
2	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	5,0
2.1.	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	2,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	3,0
3.	Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên. Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp.	2,0
4.	Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến.	1,0
5.	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
III	<i>Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)</i>	16,0
1.	<i>Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao</i>	4,0
1.1	<i>Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả</i>	2,0
1.2	<i>Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả</i>	2,0
2.	<i>Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)</i>	4,0
3.	<i>Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá.</i>	4,0
3.1	<i>Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật</i>	2,0
3.2	<i>Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá</i>	2,0
4.	<i>Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, dìm giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá</i>	4,0
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	57,0
1.	<i>Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành)</i> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	15,0
1.1	<i>Dưới 20 cuộc đấu giá</i>	12,0
1.2	<i>Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá</i>	13,0
1.3	<i>Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá</i>	14,0
1.4	<i>Từ 70 cuộc đấu giá trở lên</i>	15,0
2.	<i>Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề</i> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
2.1	<i>Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)</i>	4,0
2.2	<i>Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành</i>	5,0

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
2.3	<i>Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành</i>	6,0
2.4	<i>Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên</i>	7,0
3.	<i>Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề</i> (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
3.1	<i>Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)</i>	4,0
3.2	<i>Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc</i>	5,0
3.3	<i>Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc</i>	6,0
3.4	<i>Từ 50 cuộc trở lên</i>	7,0
4.	<i>Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên</i> (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) được tính là 1 điểm.	3,0
4.1	<i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm.</i>	3,0
4.2	<i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức:</i> $\text{Số điểm của B} = (U \times 3) / Y$	
4.3	<i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C =</i> $(V \times 3) / Y$	
5.	<i>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật đấu giá tài sản có hiệu lực)</i> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
5.1	<i>Có thời gian hoạt động dưới 05 năm</i>	4,0
5.2	<i>Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm</i>	5,0
5.3	<i>Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm</i>	6,0
5.4	<i>Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên</i>	7,0
6.	Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0
6.1	<i>01 đấu giá viên</i>	2,0
6.2	<i>Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên</i>	3,0
6.3	<i>Từ 05 đấu giá viên trở lên</i>	4,0
7	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm, dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0
7.1	<i>Dưới 05 năm</i>	2,0
7.2	<i>Từ 05 năm đến dưới 10 năm</i>	3,0
7.3	<i>Từ 10 năm trở lên</i>	4,0
8	Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0
8.1	<i>Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên</i>	3,0
8.2	<i>Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên</i>	4,0
7.3	<i>Có từ 04 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên</i>	5,0
9.	Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán	5,0

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
	<i>thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước)</i> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	
9.1	Dưới 50 triệu đồng	3,0
9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	4,0
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định	4,0
1	Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá - Tài sản cùng loại được phân theo cùng một điểm quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật đấu giá tài sản được sửa đổi bổ sung theo khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản	1,0
3	Trong năm 2025, Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đã thực hiện đấu giá thành công trên 13 hợp đồng đấu giá tài sản công có giá trúng đấu giá chênh lệch từ 100% trở lên so với giá khởi điểm; đồng thời có từ 03 đấu giá viên trở lên có kinh nghiệm hành nghề trên 14 năm. <u>Ghi chú:</u> - Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có trách nhiệm cung cấp hồ sơ tài liệu để chứng minh, trường hợp không cung cấp sẽ không xét hồ sơ chấm điểm tại mục này	3,0
Tổng số điểm		96